

Bản án số: **08/2020/HNGĐ-ST**.

Ngày: 15/7/2020.

“V/v: Ly hôn giữa chị L và anh D”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Quế.
2. Ông Nguyễn Văn Thi.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 15/7/2020, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình (HN&GD) thụ lý số: 44/2020/TLST-HNGĐ ngày 27/3/2020 về tranh chấp: ***“Kiện xin L hôn, yêu cầu giải quyết về con chung”*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện K, tỉnh G.

- *Bị đơn:* Anh Trần Quốc D, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh G.

Chị L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D lần thứ hai vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Ngọc L và anh Trần Quốc D qua thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn (ĐKKH) tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đông, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 13/12/2017.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L trình bày là do anh chị không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong cách sống của mỗi người dẫn đến vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau; anh D không chăm lo làm ăn để xây dựng cuộc sống gia đình mà thường xuyên uống rượu say xỉn về chửi bới, xúc phạm, đánh đập chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Do

mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được L hôn với anh D.

Về phía anh D, anh thừa nhận trong quá trình chung sống, giữa anh và chị L đã phát sinh một số mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, khác nhau về suy nghĩ và quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau dẫn đến hay xảy ra cãi vã và cứ sau mỗi lần cãi vã là chị L lại bỏ về nhà cha mẹ đẻ ở xã Sơn Lang. Tuy nhiên, do mâu thuẫn vợ chồng chưa thật sự trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với chị L nên anh không đồng ý L hôn mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con cái.

2. Về con chung: Chị L và anh D có 02 con chung tên Trần Nguyễn Gia L, sinh ngày 12/10/2016 và Trần Nguyễn Khả N, sinh ngày 22/6/2018. Sau khi L hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các cháu chung trưởng thành, có khả năng lao động; chị không yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung.

Do không đồng ý L hôn nên anh D không trình bày quan điểm về con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh D không có tài sản chung và nợ chung nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Nguyễn Ngọc L-Trần Quốc D (*bản chính*), 01 Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Ngọc L (*bản sao*), 02 Giấy khai sinh mang tên Trần Nguyễn Khả N và Trần Nguyễn Gia L (*đều là bản sao*) và 01 Sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ Nguyễn Văn Tuấn (*bản sao*).

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Anh D và chị L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND xã Đông, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 13/12/2017; anh chị có 02 con chung tên Trần Nguyễn Gia L, sinh ngày 12/10/2016 và Trần Nguyễn Khả N, sinh ngày 22/6/2018. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị L giao nộp là Giấy chứng nhận kết hôn mang tên Nguyễn Ngọc L và Trần Quốc D (*bản chính*) và 02 Giấy khai sinh mang tên Trần Nguyễn Gia L và Trần Nguyễn Khả N (*đều là bản sao*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Ngọc L có đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Trần Quốc D. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh D tự nguyện tiến tới hôn nhân, có ĐKKH tại UBND xã Đông, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai vào ngày 13/12/2017 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L trình bày là do anh chị không hợp tính tình nhau, khác nhau về quan điểm sống, khác nhau trong suy nghĩ, trong cách sống của mỗi người

dẫn đến vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau; anh D không chăm lo làm ăn để xây dựng cuộc sống gia đình mà thường xuyên uống rượu say xỉn về chửi bới, xúc phạm, đánh đập chị dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Do mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được L hôn với anh D.

Anh D cũng thừa nhận trong quá trình chung sống, giữa anh và chị L đã phát sinh một số mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tình tình nhau, khác nhau về suy nghĩ và quan điểm sống, vợ chồng không tôn trọng lẫn nhau dẫn đến hay xảy ra cãi vã và cứ sau mỗi lần cãi vã là chị L lại bỏ về nhà cha mẹ để ở xã Sơn Lang. Tuy nhiên, do mâu thuẫn vợ chồng chưa thật sự trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với chị L nên anh không đồng ý L hôn mà mong muốn vợ chồng đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải, tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ gia đình nhưng anh D chỉ có mặt tại phiên hòa giải đầu tiên và vắng mặt trong phiên hòa giải còn lại cũng như vắng mặt trong các phiên tòa xét xử vụ án; vì vậy, việc động viên và hòa giải cho anh chị hàn gắn không thực hiện được. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh D đã thực sự trầm trọng và không thể hòa giải được, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và 56 của Luật HN&GD năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được L hôn với anh D.

[3] **Về con chung:** Chị L và anh D có 02 con chung tên Trần Nguyễn Gia L, sinh ngày 12/10/2016 và Trần Nguyễn Khả N, sinh ngày 22/6/2018. Sau khi L hôn, chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung; về phía anh D, do không đồng ý L hôn nên anh không trình bày quan điểm về con chung. Xét đề nghị của chị L là phù hợp với điều kiện thực tế về công việc và thu nhập ổn định của chị; mặt khác, hai cháu L và N đều là con gái nên cần được sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ hơn; trong khi đó, anh D lại thường xuyên vắng mặt tại địa phương và có chứng cứ thể hiện anh có hành vi bạo hành với vợ con. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị L, giao hai con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động; do chị L không yêu cầu nên anh D không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] **Về tài sản chung và nợ chung:** Chị L và anh D không có tài sản chung và nợ chung nên cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[6] **Về án phí L hôn sơ thẩm (LHST):** Chị L phải chịu theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật HN&GD năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 93, 94, 143, 144, 147, 227, 228, 238 và 266 của BLTTDS năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Ngọc L được L hôn với anh Trần Quốc D.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Trần Nguyễn Gia L, sinh ngày 12/10/2016 và Trần Nguyễn Khả N, sinh ngày 22/6/2018 cho chị L trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, có khả năng lao động; do chị L không yêu cầu nên anh D không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí LHST nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003340 ngày 27/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai; chị L đã nộp đủ án phí LHST.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, hai đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Gia Lai;
- VKS Kbang;
- THA Kbang;
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Lưu HSVA,VPTA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nguyên

CÁC HỘI THẨM ND

THẨM PHÁN-CTPT

Nơi nhận:

THẨM

-TA tỉnh;

TÒA

-VKS KBang;

-THA KBang;

-Các đương sự;

-Lưu HS vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

Lê Văn Nguyên